

Học bổng dành cho lưu học sinh đại học (UNDERGRADUATE STUDENTS)

<1> Đọc kỹ hướng dẫn tuyển sinh (tiếng Anh, tiếng Nhật) ở đường link dưới đây:

Đơn xin cấp học bổng cũng có thể download được từ đường link này.

https://www.studyinjapan.go.jp/en/smap_stopj-applications_undergraduate.html

<2> Những người có nguyện vọng đăng ký dự thi cần lưu ý những điểm dưới đây khi chuẩn bị hồ sơ ứng tuyển.

1. Về nội dung tuyển sinh

| | |
|--|---|
| Thời gian sang Nhật Bản | Tháng 4 năm 2021 |
| Thời gian lưu học | (1) Khóa dự bị tiếng Nhật 1 năm (2) Khóa đại học (4 năm) <Đối với thí sinh đăng ký chuyên ngành y, nha khoa, thú y hoặc dược hệ 6 năm> (1) Khóa dự bị tiếng Nhật (1 năm) (2) Khóa đại học (6 năm) |
| | ◆Lưu ý •Nếu có trình độ tiếng Nhật phù hợp hoặc đăng ký vào các trường đại học không yêu cầu trình độ tiếng Nhật thì lưu học sinh có thể không cần tham gia khóa dự bị tiếng Nhật mà vào thẳng trường đại học (tuyển thẳng). |
| Chế độ học bổng (Đọc kỹ mục “7” trong Hướng dẫn tuyển sinh) | •Chính phủ Nhật Bản cấp vé máy bay, sinh hoạt phí và chi trả học phí. •Cần lưu ý rõ nếu lưu học sinh không hoàn thành được khóa học dự bị tiếng Nhật và được đánh giá là không đủ năng lực thì sẽ không thể tiếp tục nhập học vào trường đại học. (Tại thời điểm kết thúc khóa dự bị tiếng Nhật bị đánh giá là không đủ năng lực thì Chính phủ Nhật Bản sẽ dừng cấp học bổng, lưu học sinh phải về nước. Chi phí về nước sẽ không được cấp) |
| Điều kiện ứng tuyển (Thí sinh cần đáp ứng đầy đủ tư cách và điều kiện ứng tuyển được quy định rõ trong mục “3” của Hướng dẫn tuyển sinh) | ◆Những điểm cần lưu ý •Quốc tịch: mang quốc tịch Việt Nam •Tuổi: những người sinh sau ngày 2 tháng 4 năm 1996 •Quá trình học tập: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc chuẩn bị tốt nghiệp THPT (sẽ tốt nghiệp trước cuối tháng 3 năm 2021). •Hiện đang là quân nhân hoặc làm việc trong quân đội: không được chấp nhận. •Đang đăng ký học bổng của Chính phủ nước khác (bao gồm cả dự định đăng ký): không được chấp nhận •Người đã từng được nhận học bổng Chính phủ Nhật Bản: không được chấp nhận |

| | |
|-------------------------------|---|
| Điều kiện về trình độ học vấn | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Kết quả học tập tất cả các năm ở bậc trung học phổ thông (người chuẩn bị tốt nghiệp cần nộp điểm học kỳ 1 của năm lớp 12) cần đạt điểm trung bình trên 7.5 (theo thang điểm 10). ▪ Có trình độ tiếng Nhật từ N3 trở lên. ▪ Nếu có nguyện vọng học bằng tiếng Anh cần có trình độ IELTS từ 6.0 trở lên. ▪ Có động cơ du học Nhật Bản và kế hoạch học tập cụ thể và rõ ràng. ▪ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (Ngành khoa học xã hội: tiếng Nhật trên 280 điểm (bao gồm cả viết luận); Ngành khoa học tự nhiên: 2 môn khoa học + toán (course 2) đạt tổng trên 260 điểm) ▪ Ưu tiên những thí sinh có thành tích cao trong các giải quốc gia, khu vực và quốc tế như thi hùng biện, khoa học, thể thao, văn hóa, nghệ thuật. |
|-------------------------------|---|

2. Về kỳ thi

Lịch thi tuyển sinh có thể thay đổi tùy theo tình hình cụ thể. Lịch thi viết và thi vấn đáp sẽ được thông báo cụ thể tới các thí sinh vượt qua được các vòng tuyển chọn.

| Các vòng thi | Nội dung thi | Lịch thi | | | | | | | | |
|--|--|---|---|-------------------|----------------------|---------------------|--|---|--|--|
| Tuyển chọn hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Xem xét việc đáp ứng đầy đủ điều kiện và tư cách ứng tuyển, trình độ học vấn. ▪ Đặc biệt ưu tiên những thí sinh có động cơ du học và kế hoạch học tập nghiên cứu cụ thể. | Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Ngày 29/6 (thứ hai) ~ ngày 30/6 (thứ ba) (theo dấu bưu điện) | | | | | | | | |
| Thi viết (Chỉ dành cho những thí sinh vượt qua vòng tuyển chọn hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các môn thi : <table border="1" data-bbox="464 1227 1015 1809" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td data-bbox="464 1227 671 1317">Khoa học xã hội A</td> <td data-bbox="671 1227 1015 1317">Toán A (1 tiếng) Tiếng Anh (1 tiếng)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="464 1317 671 1391">Khoa học xã hội B</td> <td data-bbox="671 1317 1015 1391">Tiếng Nhật (2 tiếng)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="464 1391 671 1563">Khoa học tự nhiên A</td> <td data-bbox="671 1391 1015 1563">Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Vật lý (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="464 1563 671 1809">Khoa học tự nhiên B & Khoa học tự nhiên C</td> <td data-bbox="671 1563 1015 1809">Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Sinh vật (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng)</td> </tr> </table> ※ Môn thi “tiếng Nhật” dùng ngôn ngữ tiếng Nhật, môn thi “tiếng Anh” dùng ngôn ngữ tiếng Anh. Các môn thi khác dùng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Nhật ※ Chỉ 1 môn có điểm bằng 0 thì sẽ bị trượt. | Khoa học xã hội A | Toán A (1 tiếng) Tiếng Anh (1 tiếng) | Khoa học xã hội B | Tiếng Nhật (2 tiếng) | Khoa học tự nhiên A | Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Vật lý (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng) | Khoa học tự nhiên B & Khoa học tự nhiên C | Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Sinh vật (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng) | Cuối tháng 8 năm 2020 Địa điểm: (1) Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội (2) Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Tp.Hồ Chí Minh |
| Khoa học xã hội A | Toán A (1 tiếng) Tiếng Anh (1 tiếng) | | | | | | | | | |
| Khoa học xã hội B | Tiếng Nhật (2 tiếng) | | | | | | | | | |
| Khoa học tự nhiên A | Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Vật lý (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng) | | | | | | | | | |
| Khoa học tự nhiên B & Khoa học tự nhiên C | Toán B (1 tiếng), Hóa học (1 tiếng), Sinh vật (1 tiếng), Tiếng Anh (1 tiếng), Tiếng Nhật (2 tiếng) | | | | | | | | | |

| | | |
|---|---|--|
| Thi vấn đáp (Chỉ dành cho những thí sinh vượt qua vòng thi viết) | <ul style="list-style-type: none"> •Đánh giá về con người. •Sự hiểu biết về Nhật Bản (ví dụ: xã hội, kinh tế, văn hóa Nhật Bản). •Động cơ du học Nhật Bản, kế hoạch học tập. | Trung tuần tháng 9 năm 2020 Địa điểm: (1) Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội (2) Thành phố Hồ Chí Minh |
|---|---|--|

Tham khảo đề thi các năm trước theo đường link dưới đây:

<https://www.studyinjapan.go.jp/en/planning/scholarship/application/examination.html>

<https://www.studyinjapan.go.jp/ja/planning/scholarship/application/examination.html>

3. Về việc nộp hồ sơ

(1) Các loại hồ sơ cần nộp

- a. Đọc kỹ Hướng dẫn tuyển sinh, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trên cơ sở tham khảo “Danh mục các loại hồ sơ và số bộ cần nộp”.
- b. Hồ sơ cần nộp có 3 bộ gồm: Bộ chính (1 bộ) (A) và Bộ copì (2 bộ) (B, C), tuy nhiên sau khi thí sinh vượt qua được vòng phỏng vấn thì tùy từng trường hợp cụ thể cần nộp bổ xung một số giấy tờ khác, vì vậy các thí sinh cần giữ 1 Bản copì của bộ hồ sơ đã nộp (theo Bộ chính). Hồ sơ cần nộp bổ xung sẽ được thông báo cụ thể tới các thí sinh vượt qua được vòng phỏng vấn.
- c. Về số bộ hồ sơ cần nộp sẽ không theo hướng dẫn trong “Thông báo tuyển sinh” chung của Mext ở trang 7 mà theo danh mục dưới đây:

Danh mục các loại hồ sơ và số bộ cần nộp

| STT | Loại hồ sơ | Mẫu | Hồ sơ cần nộp | | | Những điểm cần lưu ý |
|-----|--|------------------|---------------|----------|----------|--|
| | | | A | B | C | |
| ① | Đơn xin cấp học bổng | Mẫu của năm 2021 | Bản chính | Bản copì | Bản copì | <ul style="list-style-type: none"> • Mục 6 (tuổi): được tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2021 • Mục 10 (tổng số năm học tập): phải trên 12 năm (trừ những thí sinh chuẩn bị tốt nghiệp) |
| ② | Đơn đăng ký nguyện vọng vào thẳng trường đại học | Mẫu của năm 2021 | Bản chính | Bản copì | Bản copì | Chỉ những thí sinh có nguyện vọng được vào thẳng trường đại học. |

| | | | | | | |
|---|--|--|-----------|----------|----------|--|
| ③ | <p>(1) Tốt nghiệp THPT: Học bạ của toàn bộ 3 năm học của trường THPT cuối cùng theo học</p> <p>(2) Chuẩn bị tốt nghiệp: Kết quả học tập từ thời điểm nhập học đến thời điểm nộp đơn.</p> <p>(3) Đang là sinh viên đại học: Học bạ của bậc THPT và kết quả học tập từ thời điểm nhập học đến thời điểm nộp đơn.</p> <p>(4) Đã tốt nghiệp đại học: học bạ của bậc THPT và kết quả học tập của toàn bộ các năm đại học.</p> | Do trường THPT hoặc trường đại học đang theo học cấp | Bản chính | Bản copì | Bản copì | |
| ④ | <p>(1)Tốt nghiệp THPT: Bằng tốt nghiệp THPT</p> <p>(2)Đang học tại THPT: Giấy chứng nhận tốt nghiệp.</p> <p>(3)Đang học tại các trường đại học: Bằng tốt nghiệp đại học</p> <p>(4)Đã tốt nghiệp đại học: Bằng tốt nghiệp THPT và Bằng tốt nghiệp đại học</p> | Do trường THPT và trường đại học cấp | Bản chính | Bản copì | Bản copì | |
| ⑤ | (1) Đã tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp THPT: Thư giới thiệu của hiệu trưởng trường THPT hoặc giáo viên chủ nhiệm | Không cần theo mẫu, có mẫu tham khảo. | Bản chính | Bản copì | Bản copì | |

| | | | | | | |
|---------------|---|--|-----------|----------|----------|--|
| | (2) Đã tốt nghiệp đại học hoặc đang là sinh viên đại học: thư giới thiệu của hiệu trưởng trường đại học hoặc chủ nhiệm khoa | | | | | |
| ⑥ | Giấy khám sức khỏe | Mẫu của năm 2021 | Bản chính | Bản copì | Bản copì | |
| ⑦ | Giấy xác nhận đang học tại trường đại học (chỉ dành cho những thí sinh đang là sinh viên đại học) | Không có mẫu | Bản chính | Bản copì | Bản copì | |
| ⑨ | Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (tiếng Nhật, tiếng Anh) | Bản do các tổ chức cấp bằng cấp (bản in trên mạng cũng được chấp nhận) | Bản copì | Bản copì | Bản copì | Bằng cấp cần có đầy đủ thông tin: họ tên, cấp độ đạt được, điểm số. |
| Không đánh số | Kết quả thi EJU | Bản do tổ chức cấp bằng cấp (bản in trên mạng cũng được chấp nhận) | Bản copì | Bản copì | Bản copì | Nếu là bản được in từ trên mạng thì cần có đầy đủ thông tin: họ tên, cấp độ đạt được, điểm số. |

(*) Không có mục ⑧

(Lưu ý 1) Tất cả các hồ sơ cần được làm bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh. Các hồ sơ bằng tiếng Việt cần nộp kèm bản công chứng được dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh.

(Lưu ý 2) Hồ sơ cần được làm thành 3 bộ, sắp xếp theo các bộ A, B, C; ghim lại và cho vào phong bì (không dập ghim lên hồ sơ). Những hồ sơ nêu trên cần được đánh số thứ tự bằng bút mực ở góc trên bên phải từ số 「A①」 「A②」...、「B①」 「B②」...

(Lưu ý 3) Ảnh dán trên Đơn xin cấp học bổng cần được chụp trong 6 tháng gần nhất, được in trên loại giấy chuyên dụng cho ảnh chụp rõ ràng sắc nét, kích thước: 4.5×3.5cm, ảnh chân dung chụp thẳng

không đội mũ, phía sau ảnh cần ghi rõ quốc tịch, họ tên. Hoặc thí sinh cũng có thể chèn ảnh vào Đơn xin cấp học bổng sau đó in màu.

(Lưu ý 4) Chứng nhận kết quả học tập của bậc trung học phổ thông cần được ghi rõ tất cả các môn cho từng năm học và cách tính điểm đánh giá. Bản Copi cũng được chấp nhận. Tùy trường hợp cụ thể có thể phải nộp bản xác nhận của cán bộ phụ trách của trường đại học hoặc bản công chứng.

(Lưu ý 5) Giấy chứng nhận tốt nghiệp của trường trung học phổ có thể được thay thế bằng bản copli Bằng tốt nghiệp. Tùy trường hợp cụ thể có thể phải nộp bản xác nhận của cán bộ phụ trách của trường đại học hoặc bản công chứng.

(2) Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh

a. Nơi tiếp nhận

Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

(27 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội)

b. Thời gian tiếp nhận

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 (thứ hai) ~ ngày 30 tháng 6 năm 2020 (thứ ba) (theo dấu bưu điện)

c. Nội dung ghi trên phong bì

Mặt trên phong bì, thí sinh cần ghi rõ bằng bút mực bậc học có nguyện vọng đăng ký dự thi.

(Đại học • U)

4. Chuyên ngành học và kế hoạch học tập

(Tham khảo) Khi tìm hiểu thông tin về trường đại học, thí sinh có thể tham khảo theo những địa chỉ dưới đây:

① Japan Study Support

Tiếng Việt:

<https://www.jpss.jp/vi/search/?tb=1&a%5Bnm%5D=&a%5Bfw%5D=&g%5Brs%5D=&g%5Bmj%5D=&a%5Bpf%5D=&search=search>

Tiếng Nhật:

<https://www.jpss.jp/ja/search/?tb=1&a%5Bnm%5D=&a%5Bfw%5D=&g%5Brs%5D=&g%5Bmj%5D=&a%5Bpf%5D=&search=search>

Tiếng Anh:

<https://www.jpss.jp/en/search/?tb=1&a%5Bnm%5D=&a%5Bfw%5D=&g%5Brs%5D=&g%5Bmj%5D=&a%5Bpf%5D=&search=search>

② Viện nghiên cứu thông tin quốc gia (NII) researchmap

(Tiếng Nhật) <http://researchmap.jp/>

(Tiếng Anh) <https://researchmap.jp/?lang=english>

③ Tổ chức thúc đẩy khoa học công nghệ (JST)J-GLOBAL

(Tiếng Nhật) <http://jglobal.jst.go.jp/>

(Tiếng Anh) <https://jglobal.jst.go.jp/en>

- ④ Tổ chức hỗ trợ học sinh sinh viên Nhật Bản JASSO – Thông tin hỗ trợ du học Nhật Bản (Sau đại học, đại học, đại học ngắn hạn)
(Tiếng Nhật) https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html#no2
(Tiếng Anh) https://www.jasso.go.jp/en/study_j/search/daigakukensaku.html
- ⑤ Trang web của Hiệp hội văn hóa học sinh Châu Á
(Tiếng Nhật) <http://www.jpss.jp/ja/search/>
(Tiếng Anh) <http://www.jpss.jp/en/search/>
- ⑥ Thông tin về các trường đại học, cao đẳng của Nhật Bản (Japanese College and University Portraits)
(Tiếng Nhật) <https://portraits.niad.ac.jp/>
(Tiếng Anh) <https://jpcup.niad.ac.jp/>
- ⑦ Chương trình Reading Program cho tiến sỹ
<http://www.jsps.go.jp/j-hakasekatei/index.html>
- ⑧ Chương trình tăng cường năng lực triển khai quốc tế của các trường đại học
<http://www.jsps.go.jp/j-tenkairyoku/kekka.html>
- ⑨ Chương trình hỗ trợ các trường đại học Super Global
<https://tgu.mext.go.jp/>